

BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG HỨNG THÚ HỌC TẬP HỌC PHẦN SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIN HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lê Quang Minh^{1*}, Đặng Thị Thu Liễu² và Huỳnh Sơn Lâm¹

¹Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: lqminh@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 03/6/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 22/7/2020; Ngày duyệt đăng: 11/9/2020

Tóm tắt

Bài viết tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về hứng thú và hứng thú học tập của sinh viên, khảo sát thực tiễn đồng thời phân tích, đánh giá thực trạng hứng thú học tập của sinh viên đối với học phần Sử dụng bảng tính cơ bản trong chương trình đào tạo Ứng dụng dụng công nghệ thông tin cơ bản. Từ đó, tác giả đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường hứng thú học tập học phần sử dụng bảng tính cơ bản cho sinh viên không chuyên Tin học tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Từ khóa: Hứng thú học tập, sinh viên không chuyên Tin học, sử dụng bảng tính cơ bản, ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

STRATEGIES TO INTEREST NON-IT MAJORED STUDENTS' IN LEARNING THE BASIC COMPUTER SKILLS MODULE AT DONG THAP UNIVERSITY

Le Quang Minh^{1*}, Dang Thi Thu Lieu², and Huynh Son Lam¹

¹Foreign Languages and Informatics Center, Dong Thap University, Vietnam

²Office of Personel Affairs, Dong Thap University, Vietnam

*Corresponding author: lqminh@dthu.edu.vn

Article history

Received: 03/6/2020; Received in revised form: 22/7/2020; Accepted: 11/9/2020

Abstract

This article focuses on reviewing motivation theories and learning interests; followed by analyzing and assessing the reality of students current learning interests in the Basic Computer Skills module in The applied ICT training program (basic level). Thereby, the article proposes some strategies to interest non-IT major students of Dong Thap University in learning this module.

Keywords: Basic computer skills, basic ICT application, non-IT majored students, student interest.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.10.4.2021.885>

Trích dẫn: Lê, M. Q., Đặng, T. T. L., & Huỳnh, S. L. (2021). Biện pháp tăng cường hứng thú học tập học phần Sử dụng bảng tính cơ bản cho sinh viên không chuyên tin học tại trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 10(4), 88-97. <https://doi.org/10.52714/dthu.10.4.2021.885>.

1. Đặt vấn đề

Hứng thú học tập là thái độ đặc biệt của chủ thể đối với đối tượng của hoạt động học tập, vì sự cuốn hút về mặt tình cảm và ý nghĩa thiết thực của nó trong đời sống cá nhân. Hứng thú học tập đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập của người học, hứng thú là nguồn kích thích mạnh mẽ làm cho các quá trình nhận thức diễn ra với tốc độ nhanh, có độ sâu và có hiệu quả hơn.

Chương trình đào tạo Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (UDCNTTCB) gồm 4 học phần là Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và mạng Internet, Xử lý văn bản cơ bản, Sử dụng bảng tính cơ bản, Sử dụng trình chiếu cơ bản. Học phần Sử dụng bảng tính cơ bản là học phần khó nhất trong chương trình UDCNTTCB. Thực tế cho thấy nhiều sinh viên (SV) bị điểm liệt, điểm rất thấp ở học phần Sử dụng bảng tính cơ bản qua các kỳ thi chứng chỉ quốc gia UDCNTTCB dẫn đến rất nhiều thí sinh có kết quả thi là hỏng hoặc không đạt. Do đó, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu vấn đề này để làm rõ hơn thực trạng hứng thú học tập học phần Sử dụng bảng tính cơ bản cho SV không chuyên Tin học tại Trường Đại học Đồng Tháp, đồng thời tìm ra nguyên nhân cho thực trạng nói trên và đưa ra một số ý kiến góp phần tăng cường hứng thú học tập học phần Sử dụng bảng tính cơ bản trong thời gian tới.

2. Mẫu chọn và phương pháp nghiên cứu

Mẫu chọn: Gồm 163 SV không chuyên Tin học đã học xong học phần Sử dụng bảng tính cơ bản trong chương trình đào tạo UDCNTTCB tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học, Trường Đại học Đồng Tháp.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu tiến hành phối hợp nhiều phương pháp như phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp phân loại, phương pháp so sánh các tài liệu lý luận; điều tra bằng phiếu hỏi, quan sát, đàm thoại; xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

3. Nội dung

3.1. Cơ sở lý luận

3.1.1. Một số khái niệm

Hứng thú: “Hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó, vừa có ý nghĩa đối với cuộc sống, vừa có khả năng mang lại khoái cảm cho cá nhân trong quá trình hoạt động” (Nguyễn, 2005).

Hứng thú học tập: “Hứng thú học tập là loại hứng thú gắn với các môn học trong nhà trường, nó là thái độ đặc biệt của học sinh với môn học, mà học sinh thấy có ý nghĩa và có khả năng đem lại khoái cảm trong quá trình học tập bộ môn” (Phạm, 2004). Học tập là một trong những nhiệm vụ quan trọng của SV và trong quá trình học tập, hứng thú học tập giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của các quá trình học tập. Nhờ hứng thú mà trong quá trình học tập, SV có thể giảm mệt mỏi, căng thẳng, tăng sự chú ý, thúc đẩy tính tích cực tìm tòi, sáng tạo. Hứng thú tạo nên ở SV sự tích cực học tập, khao khát tiếp cận và đi sâu vào tìm hiểu, khám phá tri thức.

Động cơ học tập: Động cơ học tập là một hệ thống các yếu tố vừa có tính chất định hướng, vừa có chức năng kích thích, thúc đẩy và duy trì hoạt động học tập. Cũng theo Dương (2013) động cơ học tập là yếu tố tâm lý phản ánh đối tượng có khả năng thỏa mãn nhu cầu của người học, định hướng, thúc đẩy và duy trì hoạt động học tập của người học nhằm chiếm lĩnh đối tượng đó. Động cơ học tập đúng đắn hay lệch lạc có ý nghĩa quyết định sự thành bại của hoạt động và chiều hướng phát triển nhân cách của con người. Sự khác biệt về khả năng cũng như động cơ học tập của SV ảnh hưởng đến hiệu quả học tập và giảng dạy (Cole & cs., 2004; Noe, 1986). Nguyễn (2008) dựa theo nghiên cứu của Noe (1986) cho rằng, động cơ học tập của SV là lòng ham muốn tham dự và học tập những nội dung của chương trình học.

Có thể chia động cơ học tập thành 2 loại: động cơ bên trong (nội lực) là động cơ xuất phát từ nhu cầu, sự hiểu biết, niềm tin của người học

đến đối tượng đích thực của hoạt động học tập, là mong muốn khao khát chiếm lĩnh, mở rộng tri thức, say mê với việc học tập. Động cơ bên ngoài là loại động cơ chỉ những tác động từ bên ngoài lên hoạt động học tập của SV như: đáp ứng mong đợi của cha mẹ, lòng hiếu danh, sự lười cuốn vào bài giảng của giảng viên (GV), sự khâm phục của bạn bè... Tuy động cơ này mang tính tiêu cực nhưng nó cũng góp phần vào việc kích thích, tạo hứng thú và nhu cầu cho người học tiếp thu tri thức, kỹ năng trong quá trình học tập.

3.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của SV

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của người học như: sở thích học tập, khả năng học, nhận thức của người học về tầm quan trọng của học phần, mức độ chuyên cần và phương pháp học tập của người học, môi trường học tập, cơ sở vật chất, phù hợp là điều kiện cần thiết cho hoạt động học tập. Nếu như môi trường vật chất là điều kiện cần thiết cho hoạt động học tập thì yếu tố tâm lý chính là yếu tố quyết định cho sự hứng thú của SV trong giờ học. Các yếu tố dưới đây ảnh hưởng đến hứng thú học tập của SV như:

Thông tin về học phần: số tiết lý thuyết, thực hành, mục tiêu, nội dung học phần, hình thức kiểm tra, đánh giá, phương pháp học tập hiệu quả, cung cấp bài giảng và tài liệu tham khảo cũng góp phần tăng hứng thú cho người học;

Hoạt động giảng dạy của GV: GV có tác phong chuẩn mực, trang phục chỉnh tề, đảm bảo thời gian ra vào lớp đúng giờ, có giọng nói to rõ truyền cảm, sử dụng ngôn ngữ hình thể phù hợp, có kiến thức chuyên môn sâu, rộng, thường xuyên tổ chức đa dạng các hoạt động học tập, có phương pháp truyền đạt hiệu quả dễ tiếp thu bài, GV nhiệt tình hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, quan tâm đến nhu cầu chính đáng và tạo động lực học tập cho SV các yếu tố trên ảnh hưởng rất lớn đến hứng thú và sự say mê môn học của SV;

Nội dung kiến thức học phần: Nội dung kiến thức học phần cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hứng thú người học. Nội dung hay đa dạng

phong phú về hình thức, đa dạng hóa các loại bài toán thực tế gây hứng thú và kích thích sự tò mò của người học;

Phương pháp giảng dạy học phần: sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn học giúp SV hứng thú hơn với môn học;

Trang thiết bị phục vụ dạy học: mỗi SV một máy tính, cấu hình đủ mạnh để chạy các ứng dụng, phần mềm chạy ổn định không lỗi, máy chiếu, phần mềm hỗ trợ dạy học đầy đủ giúp SV tự tin và phấn khởi hơn khi đi học;

Việc quản lý và phục vụ dạy học cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hứng thú của người học như thời gian tổ chức lớp học phải linh hoạt phù hợp với lịch học của SV, số lượng SV trên lớp vừa phải, cán bộ quản lý lớp học phải hỗ trợ, tư vấn nhiệt tình, phòng máy tính, phòng học phải được vệ sinh sạch sẽ, ngăn nắp.

3.1.3. Vai trò của hứng thú đối với hoạt động học tập của SV

Hứng thú học tập có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc chiếm lĩnh tri thức. Nếu người học có hứng thú với môn học nào đó, nghĩa là người học rất mong muốn nắm vững tri thức môn học, cho dù có sự mệt mỏi về cơ bắp người học cũng sẽ hướng toàn bộ quá trình nhận thức của mình vào đó.

Hứng thú còn là nguồn kích thích mạnh mẽ làm cho các quá trình nhận thức diễn ra với tốc độ nhanh, có chiều sâu và có hiệu quả. Trong hoạt động học tập, hứng thú làm cho các quá trình cảm giác, tri giác, trí nhớ, tưởng tượng và tư duy diễn ra tập trung hơn và đạt được hiệu quả cao hơn. Song, hứng thú học tập không chỉ là động lực thúc đẩy làm cho hoạt động nhận thức diễn ra thêm mạnh mẽ và lâu bền, mà còn là một thuộc tính bền vững của cá nhân góp phần tác động vào xu hướng tâm lý của cá nhân.

Hứng thú học tập làm giảm bớt sự căng thẳng thần kinh và loại trừ những ức chế ngoại lai làm cản trở hoạt động nhận thức, làm tăng sức làm việc của SV trong học tập. Hứng thú học tập làm nảy sinh tính tích cực học tập của SV.

Những SV có hứng thú học tập thực sự thường học tập một cách tích cực và chủ động sáng tạo hơn. SV không chỉ chú ý nghe giảng trên lớp, mà còn tiến hành nhiều hình thức học tập khác như: học bài và làm bài tập đầy đủ, tìm đọc các tài liệu tham khảo và chú ý tìm tòi ứng dụng tri thức vào thực tiễn.

Như vậy, hứng thú trong học tập có vai trò quan trọng và làm tăng hiệu quả của các quá trình nhận thức đối với SV. “Bằng cách phát triển hứng thú, chúng ta sẽ phát huy một trong những năng lực quý giá, cao quý nhất của con người là năng lực thích thú, tập trung vào hoạt động hoàn toàn say mê với công việc cần làm” (L-X-Xô-lô-Vây-Trích, 2001). Khi có hứng thú học tập, SV sẽ có thái độ và cách thức học tập theo đặc trưng của hứng thú. Đó cũng chính là những dấu hiệu để nhận biết hứng thú học tập. Vì hứng thú kèm theo sự tập trung, chú ý cao, có tác dụng tổ chức

và định hướng cho các quá trình tâm lý diễn ra tốt hơn. Khi hứng thú học tập được củng cố và phát triển một cách có hệ thống, sẽ trở thành cơ sở của thái độ tích cực đối với học tập, là một trong những động cơ mạnh mẽ quan trọng nhất của việc học. Ngược lại, không có hứng thú học tập, người học sẽ ở vào một trạng thái rất bất lợi cho việc tiếp thu kiến thức và làm cho hiện tượng mệt mỏi đến sớm hơn.

3.2. Thực trạng hứng thú học tập học phần Sử dụng bảng tính cơ bản của SV không chuyên Tin học tại Trường Đại học Đồng Tháp

Chương trình đào tạo UDCNTTCB tại Trường Đại học Đồng Tháp gồm 4 học phần, bao gồm: Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và mạng Internet; Xử lý văn bản cơ bản, Sử dụng bảng tính cơ bản; Sử dụng trình chiếu cơ bản. Thời lượng các học phần trong chương trình bao gồm các nội dung trong Bảng 1.

Bảng 1. Thống kê các học phần trong chương trình UDCNTTCB

TT	Học phần	Thời lượng	Tổng
1	Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và mạng Internet	15 tiết	120 tiết
2	Xử lý văn bản cơ bản	30 tiết	
3	Sử dụng bảng tính cơ bản	45 tiết	
4	Sử dụng trình chiếu cơ bản	30 tiết	

3.2.1. Động cơ học tập của SV

Kết quả khảo sát trên 163 SV cho thấy các

yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập đối với học phần Sử dụng bảng tính cơ bản như Bảng 2.

Bảng 2. Động cơ học tập học phần Sử dụng bảng tính cơ bản

TT	Nội dung khảo sát	Đồng ý		Phân vân		Không đồng ý	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	Do nhu cầu thực tế học tập và nghiên cứu tại Trường	138	84,66	16	9,81	9	5,52
2	Vì là học phần không tách rời trong chương trình UDCNTTCB	131	80,36	22	13,49	10	6,13
3	Vì nhu cầu công việc cá nhân ngoài trường	125	76,68	24	14,72	14	8,58
4	Vì là học phần bắt buộc	120	73,61	28	17,17	15	9,20
5	Vì giảng viên giảng dạy	68	41,71	51	31,28	44	16,99
6	Động cơ khác	61	37,42	46	28,22	56	34,35
7	Vì thi hỏng nhiều lần nên cần học lại	51	31,28	20	12,26	92	56,44
8	Vì bạn bè lôi kéo	38	23,31	26	15,95	99	60,73

Từ kết quả Bảng 2 cho thấy, đa số SV có động cơ và mục đích học tập rõ ràng. SV đã xác định được nhu cầu học tập là để đáp ứng cho công việc sau này cũng như phục vụ việc học và nghiên cứu tại trường. Tuy nhiên, vẫn còn một tỉ lệ nhỏ SV chưa có động cơ và mục đích học tập rõ ràng do thi lại nhiều lần nên các em có tâm lý chán

học. Vì thế SV đăng ký học lại lớp sau chỉ nhằm mục đích đủ điều kiện để được xét tốt nghiệp.

3.2.2. Nhận thức của SV về tầm quan trọng của học phần

Nhận thức của SV về tầm quan trọng của học phần Sử dụng bảng tính cơ bản. Kết quả khảo sát như Bảng 3.

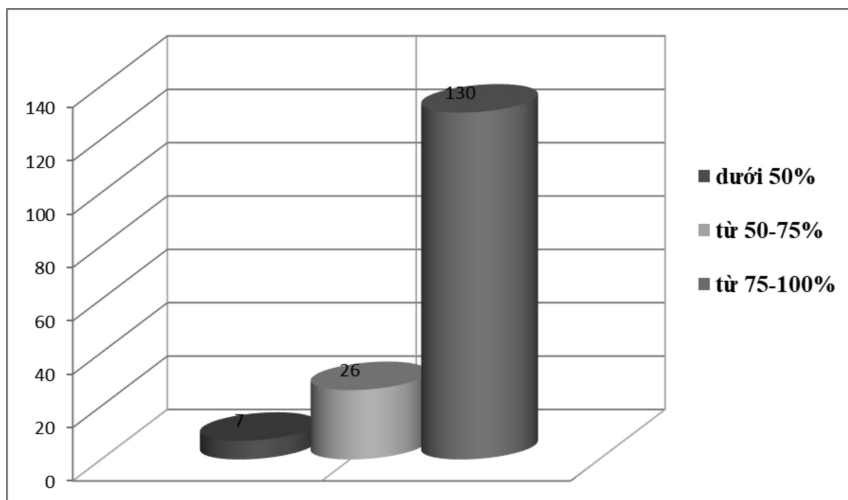
Bảng 3. Nhận thức của SV về tầm quan trọng của học phần Sử dụng bảng tính cơ bản

TT	Nội dung khảo sát	Đồng ý		Phân vân		Không đồng ý	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	Điều kiện bắt buộc để hoàn thành chuẩn đầu ra Tin học không chuyên tại Trường	146	89,57	11	6,74	6	3,68
2	Kiến thức, kỹ năng trong học phần rất cần thiết trong quá trình học tập và nghiên cứu của SV khi học tập tại Trường	151	92,63	7	4,29	5	3,06
3	Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết đáp ứng việc làm	151	92,63	7	4,29	5	3,06

Số liệu khảo sát từ Bảng 3 cho thấy, phần lớn SV nhận thức được tầm quan trọng, sự cần thiết của học phần Sử dụng bảng tính cơ bản cho việc học tập và nghiên cứu tại trường, đồng thời đáp ứng nhu cầu việc làm của xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn số ít SV có động cơ học tập chưa tốt do độ khó của học phần đòi hỏi người học phải suy luận logic, tư duy toán học khá nhiều, vì thế có nhiều SV thi hỏng nên các em phải thi lại nhiều lần dẫn đến tâm lý e ngại, lười học và chán học.

3.2.3. Mức độ chuyên cần và phương pháp học tập của SV

Về mức độ chuyên cần phần lớn SV tham gia học lớp Sử dụng bảng tính cơ bản đều thể hiện tính chăm chỉ và chuyên cần cao. Theo kết quả khảo sát trên 163 SV tham gia trả lời có 79,75% SV tham gia học đầy đủ từ 75% đến 100% số tiết của học phần, số SV tham gia lớp học từ 50 đến 75% số tiết học phần chiếm 15,95%, một số lượng rất ít SV thể hiện thái độ học tập chưa tốt chiếm 4,29% chỉ học dưới 50% số tiết của học phần.



Biểu đồ 1. Tỉ lệ thời gian SV tham gia học, học phần Sử dụng bảng tính cơ bản

Về phương pháp học tập ở nhà cũng như trên lớp được thể hiện cụ thể trong Bảng 4.

Bảng 4. Phương pháp học tập của SV với học phần Sử dụng bảng tính cơ bản

TT	Nội dung khảo sát	Thường xuyên		Đôi khi		Không thực hiện	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	Tham gia các hoạt động học tập do GV yêu cầu trên lớp	150	92,02	8	4,90	5	3,06
2	Tự học theo yêu cầu của GV	143	87,73	15	9,20	5	3,06
3	Tham khảo hoàn toàn trong giáo trình chính thức	141	86,50	17	10,42	5	3,06
4	Có tham khảo ở các tài liệu tham khảo được giới thiệu	145	88,95	13	7,97	5	3,06
5	Trao đổi với bạn bè xung quanh	149	91,41	13	7,97	1	0,61
6	Nhờ GV hỗ trợ giải đáp khi gặp khó khăn	155	95,09	6	3,68	2	1,22
7	Tự học qua internet	100	61,34	33	20,24	30	18,40

Qua số liệu Bảng 4 cho ta thấy, phần lớn SV có phương pháp học tập tốt. Mức độ thường xuyên tham hoạt động học trên lớp, tự học ở nhà, tham khảo tài liệu, trao đổi với bạn bè cũng như nhờ GV giải đáp khi gặp khó khăn của SV là khá cao. Tỷ lệ SV tự học qua internet còn thấp. Theo số liệu thống kê của vnetwork.vn tần suất sử dụng Internet của người dùng Việt Nam năm 2019 dành trung bình tới 6 giờ

42 phút mỗi ngày để tham gia các hoạt động liên quan tới mạng Internet, trung bình 2 giờ 32 phút để dùng mạng xã hội, 2 giờ 31 phút để xem các stream hoặc các video trực tuyến và dùng 1 giờ 11 phút để nghe nhạc. Mặc dù tần suất sử dụng Internet cao nhưng chủ yếu chỉ phục vụ cho vui chơi, giải trí, ít phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

3.2.4. Hứng thú học tập của SV

Bảng 5. Hứng thú học tập của SV đối với học phần Sử dụng bảng tính cơ bản

TT	Nội dung khảo sát	Không hứng thú		Hứng thú		Rất hứng thú	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	Mức độ hứng thú của Anh/Chị về học phần Sử dụng bảng tính cơ bản	28	17,17	65	39,87	70	42,94

Kết quả khảo sát từ Bảng 5 cho thấy, mức độ hứng thú của SV đối với học phần Sử dụng bảng tính cơ bản khá cao, có 39,87% hứng thú và 42,94% rất hứng thú. Mặc dù nội dung kiến thức có phần hơi khô khan, cần nhiều tư duy toán học, suy luận logic trong lúc học nhưng bù lại tính ứng dụng và thực tiễn của học phần rất

cao kích thích sự tìm tòi, khám phá của người học. Theo thống kê kết quả các kỳ thi chứng chỉ Quốc gia UDCNTT cơ bản năm 2019 thì tỉ lệ SV thi “hông” hoặc “không đạt” đối với học phần Sử dụng bảng tính cơ bản là cao nhất trong 4 học phần của chương trình, chiếm tỉ lệ gần 40%.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của SV không chuyên Tin học tại Trường Đại học Đồng Tháp

3.3.1. Nội dung học phần

Bảng 6. Yếu tố môn học ảnh hưởng đến hứng thú học tập của SV

TT	Nội dung khảo sát	Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng		Không ảnh hưởng	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	Bài giảng được thiết kế phù hợp	159	97,54	2	1,22	2	1,22
2	Nội dung học phần được thiết kế phù hợp, đáp ứng nhu cầu SV	158	96,93	3	1,84	2	1,22
3	Tài liệu tham khảo hữu ích cho người học	157	96,31	4	2,45	2	1,22
4	Hoạt động học tập và hệ thống bài tập phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra	154	94,47	7	4,29	2	1,22
5	Hình thức và nội dung đánh giá phù hợp với đặc thù học phần	154	94,47	7	4,29	2	1,22
6	Thời lượng học tập Lý thuyết/Thực hành hợp lý	152	93,25	6	3,68	5	3,06

Kết quả khảo sát Bảng 6 cho thấy, nội dung học phần, thời lượng chương trình là phù hợp với người học và đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Bài giảng, nội dung của học phần phù hợp, đáp ứng nhu cầu SV, tài liệu tham khảo rất hữu ích cho người học, có hệ thống bài tập, hình

thức đánh giá kết quả học tập phù hợp, phân bổ thời gian lý thuyết và thực hành khá hợp lý và khoa học. Nghĩa là, nội dung môn học ảnh hưởng rất lớn đến hứng thú học tập của SV (chiếm trên 93%).

3.3.2. Thông tin về học phần

Bảng 7. Yếu tố thông tin học phần ảnh hưởng đến hứng thú học tập của SV

TT	Nội dung khảo sát	Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng		Không ảnh hưởng	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	SV được giới thiệu nội dung và hình thức đánh giá rõ ràng, chi tiết	157	96,31	2	1,22	4	2,45
2	SV được tư vấn, hỗ trợ thông tin đầy đủ	157	96,31	4	2,45	2	1,22
3	SV được cung cấp bài giảng và tài liệu tham khảo đầy đủ	154	94,47	4	2,45	5	3,06
4	SV có thông tin đầy đủ về khóa học	153	93,86	7	4,29	3	1,84
5	SV nắm rõ mục tiêu và nội dung học phần	153	93,86	9	5,52	1	0,61

Kết quả khảo sát Bảng 7 cho thấy, người học được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần mà họ đang theo học có trên 93% ý kiến đồng ý. Tỉ lệ phân vân rất thấp dưới 5,6%, tỉ lệ không đồng ý cao

nhất chỉ có 3,06%. Điều đó cho thấy, GV đã tổ chức tốt buổi thảo luận đề cương chi tiết học phần, triển khai đầy đủ các quy định học, kiểm tra đánh giá, tài liệu học tập, hỗ trợ SV trong qua trình học tập.

3.3.3. Hoạt động giảng dạy của GV

Bảng 8. Các yếu tố về người dạy ảnh hưởng đến hứng thú học tập của SV

TT	Nội dung khảo sát	Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng		Không ảnh hưởng	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	GV có tác phong chuẩn mực, trang phục chỉnh tề	160	98,15	2	1,22	1	0,61
2	GV có kiến thức chuyên môn sâu rộng, thể hiện qua nội dung bài học và giải đáp thắc mắc của SV	159	97,54	2	1,22	2	1,22
3	GV phát âm tốt; giọng to, rõ; sử dụng ngôn ngữ hình thể phù hợp	158	96,93	4	2,45	1	0,61
4	GV có phương pháp truyền đạt hiệu quả, giúp SV dễ tiếp thu bài học	155	95,09	7	4,29	1	0,61
5	GV giảng dạy đúng đề cương, đảm bảo tiến độ và nội dung học phần	155	95,09	6	3,68	2	1,22
6	GV nhiệt tình hướng dẫn SV, giải đáp thắc mắc và phản hồi kết quả/sửa bài tập về nhà của SV	154	94,47	5	3,06	4	2,45
7	GV đảm bảo thời gian vào/ra lớp đúng giờ	152	93,25	8	4,90	3	1,84
8	GV thường xuyên tổ chức đa dạng các hoạt động học tập, đáp ứng mục tiêu và nội dung bài học	150	92,02	12	7,36	1	0,61
9	GV quan tâm đến nhu cầu chính đáng và tạo động lực học tập cho SV	150	92,02	11	6,74	2	1,22
10	GV thường xuyên kiểm tra mức độ hiểu bài của SV và sửa lỗi sai cho SV kịp thời, nhanh chóng	148	90,79	9	5,52	6	3,68

Kết quả khảo sát Bảng 8 cho thấy, hoạt động giảng dạy của GV đạt mức tốt. Điều đó cho thấy đội ngũ GV đang giảng dạy tại trung tâm có tác phong chuẩn mực tốt, trang phục chỉnh tề, có kiến thức chuyên môn sâu, đảm bảo đúng giờ vào/

ra lớp, thân thiện nhiệt tình với sinh viên, giảng dạy đúng đề cương, đảm bảo tiến độ, có phương pháp dạy học hiệu quả. Đây là yếu tố tác động tích cực đến hứng thú học tập của SV.

3.3.4. Quản lý và phục vụ dạy học

Bảng 9. Các yếu tố hỗ trợ khác ảnh hưởng đến hứng thú học tập của SV

TT	Nội dung khảo sát	Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng		Không ảnh hưởng	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	Môi trường học tập phù hợp với đặc thù môn học	158	96,93	3	1,84	2	1,22
2	Cán bộ quản lý lớp hỗ trợ nhiệt tình	155	95,09	5	3,06	3	1,84
3	Số lượng học viên/lớp phù hợp	155	95,09	6	3,68	2	1,22
4	Dịch vụ vệ sinh tốt	153	93,86	7	4,29	3	1,84
5	Cơ sở vật chất phòng học đáp ứng tốt yêu cầu	152	93,25	7	4,29	4	2,45
6	Thời gian tổ chức lớp học đa dạng, phù hợp cho SV	148	90,79	9	5,52	6	3,68

Kết quả khảo sát trong Bảng 9 cho thấy thời gian tổ chức lớp học, cơ sở vật chất, dịch vụ vệ sinh, cơ sở SV trên lớp, môi trường học tập, sự nhiệt tình của cán bộ quản lý lớp học được đánh giá là tốt tương ứng với tỉ lệ đồng ý từ 90,79% đến 96,93% là rất khả quan cần tiếp tục duy trì và phát huy. Tỉ lệ SV cho rằng ảnh hưởng ít và không ảnh hưởng chiếm tỉ lệ thấp dưới 6%.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn khoảng 20% SV không hứng thú với môn học này bởi những yếu tố chủ quan và khách quan như sau:

Yếu tố khách quan: SV có điều kiện học tập, được gia đình trang bị các thiết bị hiện đại và bị cuốn vào các game online nên giảm đi hứng thú học tập; Nền nếp gia đình cũng là yếu tố làm ảnh hưởng và chi phối đến hiệu quả cũng như hứng thú học tập của SV; Hay mất lòng tin với ai đó trong quá trình học tập thì khó tạo được sự đam mê, hứng thú trong học tập; Ngoài ra, còn có một số yếu tố chủ quan tác động đến hứng thú học tập của SV.

Yếu tố chủ quan: Năng lực và khả năng tiếp thu, lĩnh hội kiến thức của mỗi SV là không giống nhau. Cho nên, đối với SV năng khiếu thì mức độ và hứng thú học tập lại khác nhau rất nhiều. Độ khó của tư duy logic làm SV sợ học mà đặc thù của môn học bằng tính cơ bản mang lại. Cùng với giới tính, độ tuổi của SV cũng chịu sự chi phối và ảnh hưởng đến hứng thú học tập. Ở độ tuổi mới trưởng thành SV hay đổi thay tư duy tích cực cho việc học, có những môn học luôn trong tâm trạng đối phó, học cho qua... Có những môn học mà SV phải nghiền ngẫm trong suy nghĩ trong trạng thái “lực bất tòng tâm”. Xu hướng học tập của SV cũng có những đổi thay theo nhận thức, tư duy và thái độ đối với GV, đối với nội dung môn học. Các trường hợp hạn chế này thường gặp ở SV năm nhất, năm hai, do sự thích nghi chậm với môi trường học tập mới. Tuy nhiên thực trạng này có thể thay đổi khi GV định hướng, tác động tích cực đến người học đúng lúc, kịp thời. Bởi vì, độ khó của nội dung học về bằng tính cơ bản không cao nhưng đòi hỏi phải có sự tư duy nhạy bén, sắp xếp logic các giả thuyết để

áp dụng vào công thức, hàm cho phù hợp với mỗi yêu cầu của bài tập.

3.4. Một số biện pháp tăng cường hứng thú học tập học phần Sử dụng bảng tính cơ bản cho SV không chuyên Tin học tại Trường Đại học Đồng Tháp

Từ kết quả khảo sát thực tiễn trên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp cho vấn đề nghiên cứu như sau:

Một là, giúp SV xác định động cơ học tập rõ ràng và đầy đủ hơn, muốn làm được điều đó trước hết phải hình thành, giáo dục động cơ học tập, nhu cầu học tập đúng đắn. Động cơ học tập tốt không tự có mà cần phải được định hướng, rèn luyện, hình thành trong quá trình SV đi sâu chiếm lĩnh tri thức dưới sự dẫn dắt, hướng dẫn của GV. Động cơ học tập là muôn hình muôn vẻ, muốn hình thành động cơ học tập, động cơ chiếm lĩnh tri thức cho người học thì trước hết cần phải khơi dậy ở SV nhu cầu nhận thức, nhu cầu chiếm lĩnh đối tượng học tập vì nhu cầu chính là nơi khơi nguồn của tính tự giác, tính tích cực học tập.

Hai là, giúp SV nhận thức đúng tầm quan trọng và tính ứng dụng của học phần trong thời đại công nghệ số ngày nay. Để làm tốt việc này SV có vai trò quan trọng trong việc giới thiệu tính ứng dụng của học phần với người học thông qua các phần mềm quản lý thực tế như: quản lý nhân sự, tính lương, quản lý điểm học sinh, quản lý việc bán hàng hóa, vật tư, quản lý xuất nhập kho... Thông qua đó SV sẽ xem xét lại bản thân cần trang bị thêm các kỹ năng, năng lực cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động ngày càng khắt khe.

Ba là, giảm tỉ lệ SV đi học trễ và xin phép vắng học. Để giảm số lượng SV đi học trễ, người học cần chủ động lập kế hoạch đăng ký học phần phù hợp với quỹ thời gian của cá nhân, nâng cao tính kỷ luật chấp hành giờ giấc học tập. Các khoa đào tạo cần sắp xếp các hoạt động ngoại khóa, Đoàn, Hội không trùng với lịch học buổi tối của các lớp ngoại ngữ và tin học do Trung tâm tổ chức.

Bốn là, tăng cường khả năng tự học qua môi trường Internet, học trực tuyến là xu thế tất yếu của xã hội ngày nay, vì thế GV phải tăng cường giao nhiệm vụ học tập cho SV thông qua môi trường Internet như: tìm kiếm, đọc tài liệu, sách điện tử, hoàn thành các bài tập kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ trên hệ thống quản lý học tập trực tuyến, kiểm tra, thi thử online. GV cần dành thời gian xây dựng bài giảng dạng: video đa dạng, hấp dẫn, sinh động nhằm thu hút người xem để đăng lên hệ thống quản lý học tập giúp SV tiếp cận nhanh và hiệu quả nhất.

Năm là, giúp SV nâng cao kỹ năng phân tích đề thi và chiến lược làm bài thi thực hành. Tuy kết quả khảo sát có 82,81% SV hứng thú và rất hứng thú với học phần nhưng theo kết quả thống kê các kỳ thi chứng chỉ Quốc gia UDCNTT cơ bản năm 2019 có đến 40% SV có kết quả thi là “hông” hoặc “không đạt” (điểm của phần thi sử dụng bảng tính cơ bản nhỏ hơn 3 theo thang điểm 10). Theo quan sát và trải nghiệm thực tiễn, nguyên nhân chính của việc SV bị hông hoặc không đạt điểm yêu cầu của phần thi excel cơ bản là do kỹ năng phân tích đề thi còn kém, chưa có chiến lược làm bài hiệu quả. Để giải quyết vấn đề này GV cần cho SV sớm tiếp cận dạng đề thi chứng chỉ, nhận dạng đúng cấp độ dễ, khó của từng câu hỏi, chọn các câu dễ, câu biết làm giải trước, không cần theo thứ tự từ 1 đến 10 nhằm tránh bị điểm liệt.

Sáu là, thường xuyên cập nhật kiến thức mới và phát triển chương trình. Định kỳ hàng năm bộ môn Tin học triển khai kế hoạch cập nhật kiến thức, công nghệ mới, giải pháp mới cho học phần, điều chỉnh bổ sung chuẩn kiến thức kỹ năng cần cung cấp cho người học, cập nhật chuẩn năng lực đầu ra theo kết quả khảo sát của nhà sử dụng lao động, nhằm hình thành các năng lực thiết yếu cho người học để đáp ứng được thị trường lao động.

4. Kết luận

Nghiên cứu này đã tìm hiểu cơ sở lý luận về hứng thú học tập, tập trung khảo sát đánh giá thực trạng hứng thú học tập, các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của học phần Sử

dụng bảng tính cơ bản cho SV không chuyên Tin học tại Trường Đại học Đồng Tháp. Với kết quả nghiên cứu này tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hứng thú học tập của học phần Sử dụng bảng tính cơ bản như SV cần xác định động cơ học tập đầy đủ và rõ ràng hơn; giúp SV nhận thức đúng tầm quan trọng và tính ứng dụng của học phần; giảm tỉ lệ SV đi học trễ và xin phép vắng học; tăng cường khả năng tự học qua môi trường Internet; giúp SV nâng cao kỹ năng phân tích đề thi và chiến lược làm bài thi thực hành; thường xuyên cập nhật kiến thức mới và phát triển chương trình./.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Đồng Tháp, mã số SPD2019.01.27./.

Tài liệu tham khảo

- Dương, T. T. (2005). *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Khoa học Xã hội.
- Dương, T. K. O. (2013). Một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu động cơ học tập. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, (Số 48), 138-148.
- L-X-Xô-lô-Vây-Trích. (2001). *Từ hứng thú đến tài năng*. NXB Văn hóa Thông tin.
- Lê, V. H., Lê, N. L., & Nguyễn, V. T. (2008). *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Nguyễn, V. Đ. (2007). *Tâm lý học phát triển*. NXB Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn, Q. U. (2005). *Giáo trình Tâm lý học đại cương*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Phạm, M. H. (2004). *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*. NXB Chính trị Quốc gia.
- Phạm, T. T. (1998). *Phương pháp học tập, nghiên cứu của SV cao đẳng, đại học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Trần, Q. T., & Nguyễn, T. T. H. (2001). Hứng thú học tập môn tâm lý học của học sinh trường trung cấp an ninh nhân dân 2. *Tạp chí Tâm lý học*, (số 4 (145), 54-62.